

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ I**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG  
VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		173,928,222,561	190,443,031,361
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		31,635,387,767	53,565,146,556
1. Tiền	111	V.01	9,779,289,191	26,838,942,703
2. Các khoản tương đương tiền	112		21,856,098,576	26,726,203,853
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	5,292,963,176	2,755,350,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5,292,963,176	2,755,350,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		58,292,332,855	65,284,598,765
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		33,425,650,571	41,344,000,902
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5,404,984,370	2,887,592,320
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	31,819,396,806	33,410,704,435
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-12,357,698,892	-12,357,698,892
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		69,915,307,311	61,801,721,017
1. Hàng tồn kho	141	V.04	69,915,307,311	61,801,721,017
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8,792,231,452	7,036,215,023
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3,245,398,374	3,022,482,453
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5,546,833,078	4,013,732,570
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.05		
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		76,466,144,106	71,042,906,422
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		32,628,620,351	28,000,119,516
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		31,634,555,861	27,050,855,026
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	V.06		
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216		994,064,490	949,264,490
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		19,198,800,292	18,465,974,911
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	19,008,545,332	18,270,483,577
- Nguyên giá	222		35,536,705,000	33,112,977,727
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-16,528,159,668	-14,842,494,150
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	190,254,960	195,491,334
- Nguyên giá	228		247,455,000	247,455,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-57,200,040	-51,963,666
III. Bất động sản đầu tư	230	V.13		
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12		
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.14	24,558,554,420	24,558,554,420



TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1. Đầu tư vào công ty con	251		21,030,000,000	21,030,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		3,528,554,420	3,528,554,420
VI. Tài sản dài hạn khác	260		80,169,043	18,257,575
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	80,169,043	18,257,575
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.23		
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		250,394,366,667	261,485,937,783
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		137,583,230,470	155,524,582,739
I. Nợ ngắn hạn	310		124,631,888,815	144,415,260,305
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		30,091,769,982	40,217,246,784
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		41,361,819,493	39,012,428,245
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	7,553,484,071	5,452,453,144
4. Phải trả người lao động	314		4,166,104,866	7,800,534,219
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	720,381,351	4,190,303,804
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		664,000,510	545,493,632
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	9,519,179,302	9,751,054,819
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	29,231,897,928	36,122,494,346
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1,323,251,312	1,323,251,312
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		12,951,341,655	11,109,322,434
1. Phải trả người bán dài hạn	331		10,356,855,085	8,402,335,864
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.18		
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	V.20		
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337		12,621,600	125,121,600
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21	2,581,864,970	2,581,864,970
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.22		
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.23		
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		112,811,136,197	105,961,355,044
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	112,811,136,197	105,961,355,044
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80,000,000,000	80,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80,000,000,000	80,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3,075,711,641	3,075,711,641
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		29,735,424,556	22,885,643,403
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		22,885,643,403	6,420,647,757

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6,849,781,153	16,464,995,646
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431	V.25		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		250,394,366,667	261,485,937,783

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

  
Ngô Văn Tinh

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)



Ngày ..... tháng ..... năm 2015

Tổng giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



  
Kim Ngọc Nhân



Công ty cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam  
14 - Đường Thùy Trâm - Cổ Nhuế 1 - Bắc Từ Liêm - Hà Nội

## BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Quý I năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước	Lũy kế đến kỳ này năm nay	Lũy kế đến kỳ này năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	54,848,209,483	75,527,320,136	54,848,209,483	75,527,320,136
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.27	54,848,209,483	75,527,320,136	54,848,209,483	75,527,320,136
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	40,416,629,893	68,691,049,773	40,416,629,893	68,691,049,773
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		14,431,579,590	6,836,270,363	14,431,579,590	6,836,270,363
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	211,248,279	84,532,484	211,248,279	84,532,484
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	783,524,271	1,426,259,059	783,524,271	1,426,259,059
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23					
8. Chi phí bán hàng	24					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4,436,346,243	3,401,099,513	4,436,346,243	3,401,099,513
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		9,422,957,355	2,093,444,275	9,422,957,355	2,093,444,275
11. Thu nhập khác	31		6,052,206,932	73,736,500	6,052,206,932	73,736,500
12. Chi phí khác	32		6,605,336,654	87,993,047	6,605,336,654	87,993,047
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-553,129,722	-14,256,547	-553,129,722	-14,256,547
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		8,869,827,633	2,079,187,728	8,869,827,633	2,079,187,728
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	2,020,046,480	457,421,300	2,020,046,480	457,421,300
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		6,849,781,153	1,621,766,428	6,849,781,153	1,621,766,428
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		856	324	856	324
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 08 tháng 03 năm 2015



Trần Ngọc Nhân

Ngô Văn Tinh



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPTT

Quý I Năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		67,559,404,485	94,030,457,483
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(58,365,882,085)	(46,269,240,484)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(7,201,568,347)	(16,756,250,247)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(721,345,903)	(1,373,248,552)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(101,658,800)	(809,284,018)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		8,726,971,402	5,942,765,894
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(7,688,642,296)	(17,668,475,707)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2,207,278,456	17,096,724,369
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(7,494,405,000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3,590,000,000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1,052,386,824	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		179,549,851	41,469,984
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9,852,468,325)	41,469,984
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			30,000,000,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		21,900,000,000	23,072,575,515
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(36,184,568,920)	(39,913,907,712)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14,284,568,920)	13,158,667,803
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(21,929,758,789)	30,296,862,156
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		53,565,146,556	17,345,578,435
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	VII.34	31,635,387,767	47,642,440,591

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

  
Nguyễn Văn Tĩnh

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)



Lập, ngày tháng năm 2015

Tổng giám đốc  
(Ký, họ tên)



  
Kim Ngọc Nhân

## **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I năm 2015

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I Năm 2015

#### **I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ, thương mại.
3. Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng và cung ứng nhân lực.
4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: theo tiến độ từng công trình xây dựng.
5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng các công trình xây dựng, thủy lợi trong nước và ngoài nước. Vì vậy biến động về giá cả vật liệu xây dựng, tỷ giá... làm ảnh hưởng tới kết quả trong báo cáo tài chính
6. Cấu trúc doanh nghiệp
  - Danh sách các công ty con: Công ty cổ phần CM Đầu tư và thương mại
  - Danh sách các công ty liên doanh, liên kết: Không có
  - Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc: Không có

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền) nên có thể so sánh được thông tin trên Báo cáo tài chính.

#### **II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

1. Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày 01/01/2015 kết thúc vào ngày 31/12/2015).
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

#### **III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

1. Chế độ kế toán áp dụng: Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính
2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các quy định này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2015

### IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam: Chưa có phát sinh việc chuyển đổi.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán: Tỷ giá sử dụng quy đổi tại thời điểm ngày 31/03/2015 bao gồm: 21.388,18 VND/USD; 2.65 VND/LAK

3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền: Được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền: Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư vào công ty con, được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu: Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2015

---

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### 7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm

### 8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	4 - 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là

## **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I năm 2015

---

phải thanh toán nghĩa vụ nợ; công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện:

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

18. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi: Chưa có phát sinh

19. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Thu nhập khác: là các khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ các hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu trên.

21. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu: Phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2015

22. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán: phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ

23. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính: Là tổng chi phí hoạt động tài chính phát sinh bao gồm các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái trong kỳ (không bù trừ với doanh thu tài chính).

24. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.  
Các khoản chi phí chung liên quan tới công tác quản lý của doanh nghiệp và hợp lệ.

25. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

26. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác: Theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt nam quy định hiện hành.

## V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: đồng VND

1. Tiền	Cuối năm	Đầu năm
- Tiền mặt	5,950,392,296	2,539,253,738
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3,828,896,895	17,884,167,595
- Tiền đang chuyển		6,415,521,370
Cộng	9,779,289,191	26,838,942,703



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I năm 2015

<b>2. Các khoản đầu tư tài chính</b>	<b>Cuối năm</b>		<b>Đầu năm</b>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a) Chứng khoán kinh doanh				
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	30,677,616,172	30,677,616,172	33,010,108,273	33,010,108,273
b1) Ngắn hạn	27,149,061,752	27,149,061,752	29,481,553,853	29,481,553,853
- Tiền gửi có kỳ hạn	27,149,061,752	27,149,061,752	29,481,553,853	29,481,553,853
- Trái phiếu				
- Các khoản đầu tư khác				
b2) Dài hạn	3,528,554,420	3,528,554,420	3,528,554,420	3,528,554,420
- Tiền gửi có kỳ hạn	3,528,554,420	3,528,554,420	3,528,554,420	3,528,554,420
- Trái phiếu				
- Các khoản đầu tư khác				
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	21,030,000,000	21,030,000,000	21,030,000,000	21,030,000,000
- Đầu tư vào công ty con	21,030,000,000	21,030,000,000	21,030,000,000	21,030,000,000

<b>3. Phải thu của khách hàng</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	33,425,650,571	41,344,000,902
Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Vinh Hào	9,046,617,610	
Ban QLDA nhà máy ALUMINA Nhân cơ - Vinacomin	8,372,312,133	
Công ty TNHH MTV xây lắp - môi trường Nhân Cơ - TKV	6,023,140,192	6,023,140,192
Công ty SK Engineering and Construction	6,895,135,611	10,013,241,616
Ban Quản lý đầu tư và xây dựng thủy lợi 4	3,245,000	7,210,896,000
Công ty CP Sông Đà 505	563,737,601	4,303,208,676
Các khoản phải thu khách hàng khác	2,521,462,424	13,793,514,418
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	31,634,555,861	27,050,855,026
Công ty Cổ Phần Thủy Điện Sông Bạc	15,912,736,234	15,912,736,234
Ban Quản lý đầu tư và xây dựng thủy lợi 4	3,987,356,000	3,987,356,000
Công ty SK Engineering and Construction	6,347,072,918	1,813,372,083
Các khoản phải thu khách hàng khác	5,387,390,709	5,337,390,709
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		

Công ty cổ phần xây dựng và nhân lực Việt Nam góp 100% vốn vào công ty cổ phần CM đầu tư và thương mại (CM đầu tư và thương mại). CM đầu tư và thương mại hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại như: mua bán máy móc thiết bị, vật liệu xây dựng, kinh doanh địa ốc, đầu tư tài chính...



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I năm 2015

<b>4. Phải thu khác</b>	<b>Cuối năm</b>		<b>Đầu năm</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
a) Ngắn hạn	31,819,396,806	10,770,024,870	33,410,704,435	10,770,024,870
- Phải thu về cổ phần hoá;				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia;				
- Phải thu người lao động;	347,238,715			
- Ký cược, ký quỹ;	1,194,728,836		1,159,084,638	
- Cho mượn;				
- Các khoản chi hộ;				
- Phải thu khác.	30,277,429,255	10,770,024,870	32,251,619,797	10,770,024,870
b) Dài hạn	994,064,490	0	949,264,490	0
- Phải thu về cổ phần hoá;				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia;				
- Phải thu người lao động;				
- Ký cược, ký quỹ;	994,064,490		949,264,490	
- Cho mượn;				
- Các khoản chi hộ;				
- Phải thu khác.				
<b>Cộng</b>	<b>32,813,461,296</b>	<b>10,770,024,870</b>	<b>34,359,968,925</b>	<b>10,770,024,870</b>

**5. Tài sản thiếu chờ xử lý: Không có**

<b>6. Nợ xấu</b>	<b>Cuối năm</b>		<b>Đầu năm</b>		<b>Đối tượng nợ</b>
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi</b>	
Phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	21,540,049,741		21,540,049,741		Cavico Điện lực TN
	1,896,422,348		1,896,422,348		Cavico XD Cầu Hầm
	704,446,925		704,446,925		Cavico XD Thủy điện
	62,500,000		62,500,000		CTCP ĐT PT Việt Hoa
	55,850,000		55,850,000		CTCP Anh Cao
	28,000,000		28,000,000		Cavico XD Hạ Tầng
<b>Cộng</b>	<b>24,287,269,014</b>	<b>0</b>	<b>24,287,269,014</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I năm 2015

<b>7. Hàng tồn kho</b>	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu;	7,221,713,089		7,247,839,529	
- Chi phí SXLD dở dang;	62,693,594,222		54,553,881,488	
Cộng	69,915,307,311		61,801,721,017	

**8. Tài sản dở dang dài hạn:** Chưa phát sinh

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	22,508,709,885	10,192,358,994	411,908,848		33,112,977,727
- Mua trong năm	2,423,727,273				2,423,727,273
- Đầu tư XDCB hoàn thành					0
- Tăng khác					0
- Chuyển sang BĐS đầu tư					0
- Thanh lý, nhượng bán					0
- Giảm khác					0
Số dư cuối năm	24,932,437,158	10,192,358,994	411,908,848	0	35,536,705,000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					0
Số dư đầu năm	9,260,935,551	5,286,270,343	295,288,256		14,842,494,150
- Khấu hao trong năm	1,280,971,906	384,241,716	20,451,896		1,685,665,518
- Tăng khác					0
- Chuyển sang BĐS đầu tư					0
- Thanh lý, nhượng bán					0
- Giảm khác					0
Số dư cuối năm	10,541,907,457	5,670,512,059	315,740,152	0	16,528,159,668
<b>Giá trị còn lại</b>					0
- Tại ngày đầu năm	13,247,774,334	4,906,088,651	116,620,592	0	18,270,483,577
- Tại ngày cuối năm	14,390,529,701	4,521,846,935	96,168,696	0	19,008,545,332

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng giá trị: 6.491.334.070.

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:**



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I năm 2015

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Nhận diện thương hiệu	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	38,000,000	209,455,000	247,455,000
- Mua trong năm			0
- Tạo ra từ nội bộ DN			0
- Tăng do hợp nhất kinh doanh			0
- Tăng khác			0
- Thanh lý, nhượng bán			0
- Giảm khác			0
Số dư cuối năm	38,000,000	209,455,000	247,455,000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			0
Số dư đầu năm	38,000,000	13,963,666	51,963,666
- Khấu hao trong năm		5,236,374	5,236,374
- Tăng khác			0
- Thanh lý, nhượng bán			0
- Giảm khác			0
Số dư cuối năm	38,000,000	19,200,040	57,200,040
<b>Giá trị còn lại</b>			0
- Tại ngày đầu năm	0	195,491,334	195,491,334
- Tại ngày cuối năm	0	190,254,960	190,254,960

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng trị giá 38.000.000 VND.

**11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính:** Chưa có phát sinh

**12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư:** Chưa có phát sinh

<b>13. Chi phí trả trước</b>	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1,180,814,520	2,161,065,131
Chi phí bảo lãnh hợp đồng, BL thanh toán	348,646,308	431,131,651
Khác	1,715,937,546	204,798,702
b) Dài hạn		
Thiết bị quản lý	80,169,043	18,257,575
Cộng	3,325,567,417	2,815,253,059

**14. Tài sản khác:** Chưa có phát sinh

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I năm 2015

<b>15. Vay và nợ thuê tài chính</b>	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
a) Vay ngắn hạn	29,231,895,432	29,231,895,432	29,293,972,502	36,184,571,416	36,122,494,346	36,122,494,346
- Ngân hàng No&PTNT						
CN Hoàng Quốc Việt	22,961,407,796	22,961,407,796	7,393,972,502	7,553,558,732	23,120,994,026	23,120,994,026
- Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt_HN	0	0	18,000,000,000	27,000,000,000	9,000,000,000	9,000,000,000
- Nguyễn Hữu Mạnh	700,000,000	700,000,000			700,000,000	700,000,000
- Công ty CP CM đầu tư và thương mại	3,900,000,000	3,900,000,000	3,900,000,000			
Vay dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng No&PTNT						
CN Hoàng Quốc Việt	336,363,636	336,363,636		112,121,212	448,484,848	448,484,848
- Ngân hàng No&PTNT						
CN Long Biên	0	0		1,074,183,472	1,074,183,472	1,074,183,472
- Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt_HN	1,334,124,000	1,334,124,000		444,708,000	1,778,832,000	1,778,832,000
b) Vay dài hạn	2,581,864,970	2,581,864,970	0	0	2,581,864,970	2,581,864,970
- Ngân hàng No&PTNT						
CN Hoàng Quốc Việt	469,696,970	469,696,970			469,696,970	469,696,970
- Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt_HN	2,112,168,000	2,112,168,000			2,112,168,000	2,112,168,000
Cộng	31,813,760,402	31,813,760,402	29,293,972,502	36,184,571,416	38,704,359,316	38,704,359,316

c. Các khoản nợ thuê tài chính: Chưa phát sinh

d. Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán: Chưa phát sinh

d. Khoản vay 3.900.000.000 VND là vay của công ty con (Công ty CP CM đầu tư và thương mại) kỳ hạn vay là 4 tháng với lãi suất 1.5%/năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I năm 2015

<b>16. Phải trả người bán</b>	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	30,091,769,982	30,091,769,982	40,217,246,784	40,217,246,784
Công ty TNHH Kinh doanh tổng hợp Huy Hùng	926,998,305	926,998,305	926,998,305	926,998,305
Công ty TNHH CM Xây dựng	9,365,705,714	9,365,705,714	10,100,705,714	10,100,705,714
Cty CP Xây dựng Bàn Việt	1,662,832,051	1,662,832,051	2,392,333,778	2,392,333,778
Công ty TNHH thương mại và sản xuất thủy sản Nam Khánh	1,591,334,836	1,591,334,836	1,283,889,454	1,283,889,454
Công ty CP CS Miền Trung	1,361,929,617	1,361,929,617	1,381,634,600	1,381,634,600
Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Vĩnh Hào	6,678,015,654	6,678,015,654	8,080,414,058	8,080,414,058
Công ty TNHH dịch vụ khoan và nổ mìn Trường Sơn	951,989,956	951,989,956	927,688,833	927,688,833
Các đối tượng khác	7,552,963,849	7,552,963,849	15,123,582,042	15,123,582,042
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	10,356,855,085	10,356,855,085	8,402,335,864	8,402,335,864
Công ty TNHH Hòa Hiệp	2,401,825,000	2,401,825,000	2,401,825,000	2,401,825,000
Công ty TNHH Xây dựng Hoài Anh	484,712,981	484,712,981	482,497,314	482,497,314
Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Vĩnh Hào	3,585,854,654	3,585,854,654	1,971,479,433	1,971,479,433
Công ty CP Sông Đà 505	2,979,182,278	2,979,182,278	2,979,182,278	2,979,182,278
Các đối tượng khác	905,280,172	905,280,172	567,351,839	567,351,839
Cộng	40,448,625,067	40,448,625,067	48,619,582,648	48,619,582,648

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Chưa phát sinh

d) Phải trả người bán là các bên liên quan: Phải trả công ty TNHH CM Xây dựng là công ty con gián tiếp (là công ty con CM đầu tư thương mại) của CM Việt Nam: 9.365.705.714 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2015

<b>17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
a) Phải nộp				
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3,298,905,112	2,020,046,480	101,658,800	5,217,292,792
Thuế thu nhập cá nhân	2,153,548,032	182,643,247		2,336,191,279
Cộng	5,452,453,144	2,202,689,727	101,658,800	7,553,484,071
b) Phải thu				
Cộng	0	0	0	0

<b>18. Chi phí phải trả</b>	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn		
Phải trả về sản lượng xây lắp hoàn thành		1,439,035,866
Lãi vay phải trả	198,865,624	245,798,447
Phí quản lý dự án	521,515,727	2,505,469,491
b) Dài hạn		
Cộng	720,381,351	4,190,303,804

<b>19. Phải trả khác</b>	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết;		
- Kinh phí công đoàn;	379,564,658	353,746,330
- Bảo hiểm xã hội;	213,000,648	1,264,951,017
- Bảo hiểm y tế;	344,667,367	304,616,143
- Bảo hiểm thất nghiệp;	142,240,660	116,481,125
- Phải trả về cổ phần hoá;		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn;	1,175,400,000	479,900,000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả;		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	7,264,305,969	7,231,360,204
Cộng	9,519,179,302	9,751,054,819
b) Dài hạn (chi tiết từng khoản mục)		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	12,621,600	125,121,600
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I năm 2015

<b>20. Doanh thu chưa thực hiện</b>	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước;		
- Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống;		
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.	664,000,510	545,493,632
<b>Cộng</b>	664,000,510	545,493,632
b) Dài hạn		
c) Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng		

21. Trái phiếu phát hành: Chưa có phát sinh

22. Cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả: Chưa có phát sinh

23. Dự phòng phải trả: Chưa có phát sinh

24. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả: Chưa có phát sinh

25. Vốn chủ sở hữu

a) Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu							Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá	LNST thuế chưa phân phối và các quỹ	
<b>Số dư đầu năm trước</b>	50,000,000,000						17,360,555,831	67,360,555,831
- Tăng vốn trong năm trước	30,000,000,000							30,000,000,000
- Lãi trong năm trước								0
- Tăng khác							16,464,995,646	16,464,995,646
- Giảm vốn trong năm trước								0
- Lỗ trong năm trước								0
- Giảm khác								0
<b>Số dư đầu năm nay</b>	80,000,000,000						25,961,355,044	105,961,355,044
- Tăng vốn trong năm nay								0
- Lãi trong năm nay							6,849,781,153	6,849,781,153
- Tăng khác								0
- Giảm vốn trong năm nay								0
- Lỗ trong năm nay								0
- Giảm khác								0
<b>Số dư cuối năm nay</b>	80,000,000,000	0	0	0	0	0	32,811,136,197	112,811,136,197

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I năm 2015

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	80,000,000,000	50,000,000,000
+ Vốn góp tăng trong năm		30,000,000,000
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	80,000,000,000	80,000,000,000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		7,529,013,000

d) Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành: 8.000.000 cổ phiếu (đều là cổ phiếu phổ thông).  
Mệnh giá: 10.000 VND/Cổ phiếu.

d) Cổ tức: Cổ tức công bố trong đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 tỷ lệ 15%.

e) Các quỹ của doanh nghiệp: Quỹ đầu tư phát triển trị giá: 3.075.711.641 VND

g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

**26. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán.**

a) Ngoại tệ các loại: Tiền mặt gồm: 146.349.567,05 LAK; Tiền gửi ngân hàng gồm: 4.669.866 LAK và 74.067,20 USD.

b) Nợ khó đòi đã xử lý: Chưa đến hạn xử lý.

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

a) Doanh thu	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng;	3,353,007,636	18,019,762,693
- Doanh thu cung cấp dịch vụ;	598,639,401	576,870,120
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	50,896,562,446	56,930,687,323
Cộng	54,848,209,483	75,527,320,136

Doanh thu với các bên liên quan: Cho công ty Cổ phần CM đầu tư và thương mại thuê văn phòng trị giá trong kỳ là: 18.068.181 đồng thuộc doanh thu cung cấp dịch vụ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I năm 2015

<b>2. Giá vốn hàng bán</b>	Năm nay	Năm trước
a) Giá vốn		
- Giá vốn bán hàng;	3,362,007,636	17,971,256,275
- Giá vốn cung cấp dịch vụ;	238,564,204	481,275,324
- Giá vốn hợp đồng xây dựng	36,816,058,053	50,238,518,174
Cộng	40,416,629,893	68,691,049,773

<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	156,562,886	84,532,484
- Lãi bán các khoản đầu tư;		
- Cổ tức, lợi nhuận được chia;		
- Lãi chênh lệch tỷ giá;	54,685,393	
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán;		
- Doanh thu hoạt động tài chính khác.		
Cộng	211,248,279	84,532,484

<b>4. Chi phí tài chính</b>	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay;	671,945,627	1,426,259,059
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm;		
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính;		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá;	111,578,644	
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư;		
- Chi phí tài chính khác;		
- Các khoản ghi giảm chi phí tài chính.		
Cộng	783,524,271	1,426,259,059

<b>5. Thu nhập khác</b>	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;		
- Lãi do đánh giá lại tài sản;		
- Tiền phạt thu được;		
- Thuế được giảm;		
- Các khoản khác.	6,052,206,932	73,736,500
Cộng	6,052,206,932	73,736,500

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I năm 2015

<b>6. Chi phí khác</b>	Năm nay	Năm trước
- Giá trị còn lại TSCĐ, Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;		
- Lỗ do đánh giá lại tài sản;		
- Các khoản bị phạt;		
- Các khoản khác.	6,605,336,654	87,993,047
<b>Cộng</b>	<b>6,605,336,654</b>	<b>87,993,047</b>

<b>7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý</b>	Năm nay	Năm trước
<b>a) Chi phí quản lý</b>		
- Chi phí nhân viên quản lý	2,418,553,711	1,560,091,813
- Chi phí khấu hao TSCĐ	516,143,009	308,735,958
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,287,792,844	1,313,835,559
- Chi phí quản lý khác	213,856,679	218,436,183
<b>Cộng</b>	<b>4,436,346,243</b>	<b>3,401,099,513</b>
<b>b) Chi phí bán hàng</b>		
<b>c) Các khoản ghi giảm chi phí BH và quản lý</b>		

<b>8. Chi phí SX kinh doanh theo yếu tố</b>	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu;	11,349,171,459	10,532,077,794
- Chi phí nhân công;	4,991,547,633	26,605,642,001
- Chi phí máy móc thiết bị thi công	2,617,374,577	2,952,442,820
- Chi phí dịch vụ mua ngoài;	4,998,993,124	7,077,076,834
- Chi phí thuê thầu phụ thi công	20,998,683,994	
<b>Cộng</b>	<b>44,955,770,787</b>	<b>36,635,161,655</b>

<b>9. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2,020,046,480	457,421,300
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN năm hiện hành		
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<b>2,020,046,480</b>	<b>457,421,300</b>

**VIII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	Năm nay	Năm trước
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính;		



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I năm 2015

- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu; ... ..
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu; ... ..
- Các giao dịch phi tiền tệ khác

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện. Chưa có phát sinh

**Người lập biểu**



**Ngô Văn Tĩnh**

**Kế toán trưởng**



**Đinh Thị Thủy**

Lập, ngày tháng năm 2015

**Tổng giám đốc**



**Kim Ngọc Nhân**